

Bản án số: **226/2022/HS-PT**

Ngày: 24-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Trương Công Thi**

- T ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 139/2022/HS-PT ngày 31/3/ 2022, đối với bị cáo Vũ Thị V cùng đồng phạm bị xét xử về tội: “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2022/HS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Vũ Thị V, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1980 tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ X và bà Nguyễn Thị H; chồng Trần Thanh B sinh năm 1984 và hai con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 17/8/2020 đến ngày 03/02/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Thị T, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1975 tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T và bà Trần Thị D; chồng Ngô Sỹ L sinh năm 1973 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/01/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Phan Văn M, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1976 tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị K; vợ Nguyễn Thị P sinh năm 1985 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 17/8/2020 đến ngày 20/01/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Văn M1, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1985 tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/4/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị T: Dương Văn C – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi kèm luận cứ bào chữa cho bị cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 12/2019, Trương Thị T gặp người đàn ông có tên là R (người Indônêxia) tại Jakarta – Indonexia và có nói chuyện với nhau qua phần mềm ứng dụng Google dịch. Sau khi T trở về Việt Nam, R nhắn tin cho T biết R có thể đưa người vượt biên bất hợp pháp từ Indonesia sang Úc bằng thuyền với chi phí 10.000 USD/người, đặt cọc trước 1.500 USD/người và bảo T tìm lao động đưa qua Indonesia cho R. T trả lời là không có, nhưng R vẫn liên tục nhắn tin hỏi.

Cuối tháng 02/2020, T gặp và nói cho Vũ Thị V biết thông tin về đường dây đưa người đi Úc của R, cụ thể là đi từ Indonesia qua Úc bằng tàu biển du lịch 5 sao. T cho V xem tin nhắn, hình ảnh mà R đã nhắn cho T và cho số điện thoại của R để V liên lạc. V trực tiếp liên lạc thì R không đồng ý, nên T đã liên lạc với R để giới thiệu V cho R, V đã nhờ T duy trì liên lạc với R.

V đã gọi điện cho Phan Văn M và Phạm Văn M1 để thông tin sự việc và hẹn gặp nhau để cùng bàn nội dung, giá cả, chi tiết kế hoạch đưa người lao động đi Úc. Để tạo sự tin tưởng cho người lao động, V, M và M1 đưa ra thông tin việc tổ chức đi Úc, xuất phát từ Việt Nam sang Indonesia bằng đường hàng không, sau đó từ Indonesia đi Úc bằng tàu lớn, hợp pháp, như đi bằng tàu du lịch 5 sao, tàu Hải quan, Hải quân, chi phí là từ 13.000 - 15.000 USD/người và sẽ chỉ phải trả đủ tiền sau khi người lao động đã đến Úc.

Đầu tháng 3/2020, thông qua một số môi giới khác, M và M1 thông báo cho V biết là đã tìm, thu gom được 17 người lao động có nhu cầu đi Úc theo đường đi của R (trong đó M tự mình đã tìm, vận động được 05 người, cụ thể gồm: Nguyễn Thị N, Hồ Văn H, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn A, Nguyễn Đình B; M1 thông qua môi giới đã tìm, vận động được 10 người, cụ thể gồm: Lê Đức Q, Trần Quang C, Nguyễn K T, Phạm Thị Kim H, Dương Thị T, Tô Đức K, Đoàn Hải H, Nguyễn H, Dương Thị T, Đào Văn H; Có 02 người thông qua môi giới khác sau khi đã đi qua Indonexia đã trực tiếp đăng ký đi Úc với M và V, cụ thể gồm: Nguyễn Quang Khanh, Nguyễn Văn T). V rủ T cùng sang Indonexia để gặp R bàn thống nhất giá cả, bố trí sắp xếp đón người đi Úc. Ngày 08/3/2020, V mua vé máy bay và cùng T bay từ thành phố Hồ Chí Minh sang Indonexia. Trước khi đi, V báo cho M và M1 biết thời gian bố trí người lao động đi Úc để thông báo cho các môi giới. Theo đó ngày 09/3/2020, các môi giới đã đưa người lao động đi Úc vào sân bay Tân Sơn Nhất, kiểm tra thông tin vé máy bay do M, M1 đã đặt mua và đưa cho khách đi Úc bay đi Jakarta.

Ngày 10/03/2020, V, T và R đón khách lao động tại Jakarta-Indonexia. Tại đây, lấy lý do khách đi Úc sẽ được đi tàu lớn hơn nên R đã nâng tiền cọc từ 1.500USD/người lên thành 2.000USD/người. Không đồng tình với yêu cầu này của R nên V đã gọi điện báo cho M và M1 biết và V yêu cầu M bay sang Indonexia để cùng V dàn xếp công việc. Sáng ngày 11/3/2020 M bay sang Indonesia gặp V. Riêng Phạm Văn M1, khi nghe V thông báo sự việc, đã trả lời

rằng “Ai đồng ý nộp tiền cọc 2000 USD thì đi, ai không đi thì M1 sẽ mua vé cho về”.

Khi M bay sang Jakarta-Indonexia thì được V, T, R đón về khách sạn, nơi khách đi Úc đang nghỉ lại. Tại đây, V, T, M được R trình bày lại cách thức đưa khách đi Úc bằng tàu biển, R sẽ đưa khách bay đến Makassar (thuộc Indonesia) rồi từ đó thuê tàu vượt biển xâm nhập trái phép vào Úc. V, T, M đồng ý với kế hoạch của R. Sau đó, M, V, T đã tập hợp khách đi Úc, phổ biến lại kế hoạch như R đã trình bày, thuyết phục các lao động đồng ý nộp tiền cọc 2000 USD/người để đi Úc. Để trấn an người lao động, T đã bịa chuyện trước đó mình đã đưa người đi Úc trot lọt một đoàn và T có con trai đã đi theo đường của R đến Úc an toàn. 17 (mười bảy) người lao động đã đồng ý đi và nộp tiền cọc cho V mỗi người 2.000 USD, tổng cộng 34.000 USD rồi đưa cho M. M đưa cho R số tiền 10.000 USD để mua vé máy bay sang Makassar và lo chi phí khác cho khách.

Ngày 12/3/2020, M cùng R mua vé máy bay đưa 17 người lao động đi Úc từ Jakata qua Makassar-Indonexia. T và V bay trở lại Việt Nam.

Tại Makassar, do tình hình dịch bệnh Covid-19, không tìm ra tàu vượt biển nên M, R và 17 khách đi Úc phải ở lại chờ đợi. Trong thời gian này, vì không đủ tiền lo chi phí ăn, ở cho đoàn đi nên Phan Văn M đã thu ứng thêm của mỗi khách đi Úc 300 USD và liên lạc với Vũ Thị V và Trương Thị T để nhờ hai người này gửi tiền qua. Cũng trong thời gian này, khách đi Úc được M cho xem tấm hình con tàu (do R chụp và chuyển cho M) sẽ chở họ vượt biển đến Úc. Thấy tàu quá nhỏ nên 06 người lao động không đi nữa vì sợ không an toàn. 11 người lao động khác vẫn quyết định đi.

Ngày 13/5/2020, 11 (mười một) người đi tiếp, được M và R đưa đến Kendari (Indonesia) để tìm thuyền gỗ vượt biển sang Úc. Ngày 19/5/2020, M từ Kendari quay lại Makassar và hẹn với khách đi Úc sẽ trở lại sớm. Nhưng đến ngày 01/6/2020, lấy lý do đẩy nhanh việc đi qua Úc, R yêu cầu và được 11 người lao động đi Úc nộp 3.700 USD/người vào tài khoản của R. Nhận đủ tiền, R đã bố trí thuyền gỗ chở 11 người lao động vượt biển từ Kendari sang Úc. Sau khi thuyền đi được vài ngày, Phan Văn M đã gọi điện thoại cho gia đình của 11 người lao động tiếp tục đi Úc yêu cầu chuẩn bị đủ tiền để nộp cho M đúng như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, thuyền đi được hơn 10 ngày thì hỏng máy, trôi dạt vào

vùng biển Đông Timor và 11 người lao động đã bị bắt giữ, đến ngày 16/9/2020 được trả về Việt Nam.

Trước đó, ngày 29/7/2020, M cùng 06 người lao động không tham gia vượt biên qua Úc đã bay trở về Việt Nam, được đưa đi cách ly tập trung đề phòng bệnh Covid - 19 tại Trường Quân sự thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Trà Vinh đến ngày 13/8/2020 trở về địa phương.

Trong vụ án này còn có:

Cao Xuân M, sinh ngày 08/01/1986, nơi cư trú: tỉnh Nghệ An; Đỗ Nguyễn Trang T, sinh ngày 12/12/1979, nơi cư trú: Hà Nội; Lương Thị B, sinh ngày 14/10/1983, nơi cư trú: thành phố Hồ Chí Minh; Hoàng M D, sinh ngày 01/9/1983, nơi cư trú: tỉnh Quảng Bình; Ngô Xuân T, sinh ngày 12/01/1978, nơi cư trú: tỉnh Nghệ An; Phạm Như C, sinh ngày 08/5/1990, nơi cư trú: tỉnh Nghệ An; Trần Thị Thu C, sinh năm 1974, trú tại Hà Nội; Nguyễn Văn V, sinh ngày 08/11/1986, nơi cư trú: tỉnh Nghệ An; Trần Thị Thanh H, sinh năm 1988, trú tại H Tĩnh; Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1986, trú tại H Tĩnh; Trần Ngọc H, sinh ngày 12/8/1986, nơi cư trú: tỉnh Nghệ An là những môi giới, trung gian kết nối giữa lao động có nhu cầu vượt biên sang Úc với các bị can trong vụ án. Xét thấy, hiện tại những người này đều vắng mặt tại địa phương. Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa đủ căn cứ để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với những người này với vai trò đồng phạm với các bị can trong vụ án. Vì vậy, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, lấy lời khai đối với những người này, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với người đàn ông Indonesia tên R, quá trình điều tra thu thập được rất ít thông tin. Bản thân R là người nước ngoài nên việc xác định nhân thân, lai lịch gặp nhiều khó khăn. Các bị can và người lao động tham gia vượt biên không biết rõ thông tin về R. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, thu thập thông tin về R, khi có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả của Nguyễn K T, xét thấy việc T sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả của T chỉ nhằm mục đích xin được hộ chiếu để đi Úc lao động bất hợp pháp, không gây ra hậu quả gì đối với người khác. Hành vi sử dụng giấy tờ giả này của T đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với T về hành vi này là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13 /2022/ HS-ST ngày 24 / 02 /2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định.

1. Tuyên bố các bị cáo: Vũ Thị V, Trương Thị T, Phạm Văn M1, Phan Văn M phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thị V 06 (sáu) năm tù, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2020 đến ngày 03/02/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn M 05 (năm) năm tù, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2020 đến ngày 20/01/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn M1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bản án còn quyết định về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định các bị cáo đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị cáo Phan Văn M có đơn xin hoãn phiên toà vì lý do sức khoẻ. Xét thấy đây là phiên toà lần thứ 2 được mở, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 BLTTHS xét xử vắng mặt bị cáo M.

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2020 được sự giới thiệu của Trương Thị T về đường dây đưa người vượt biên từ Indonesia qua Úc bằng tàu biển do người đàn ông tên là R (người Indônêxia) tổ chức, với chi phí 10.000 USD/người, đặt cọc trước 1.500 USD/người. Vũ Thị V đã gọi điện cho Phan Văn M và Phạm Văn M1 để M và M1 tìm người có nhu cầu sang Úc lao động. Để tạo sự tin tưởng cho người lao động, V, M và M1 đưa ra thông tin việc tổ chức đi Úc, xuất phát từ Việt Nam sang Indonesia bằng đường hàng không, sau đó từ Indonesia đi Úc bằng tàu lớn, hợp pháp, như đi bằng tàu du lịch 5 sao, tàu hải quan, hải quân, chi phí là từ 13.000 - 15.000 USD/người và sẽ chỉ phải trả đủ tiền sau khi người lao động đã đến Úc. Thông qua một số môi giới nên V, M và M1 đã tìm kiếm, lôi kéo được tổng cộng 17 người lao động có nhu cầu đi Úc. 17 người lao động này được V, M, M1 mua vé máy bay để bay sang nước Indônêxia để từ đây đi bằng tàu biển trốn sang Úc. Tại Indônêxia có 06 người lao động thấy thuyền nhỏ nguy hiểm nên không tiếp tục đi mà trở về Việt Nam. Còn 11 người lao động đến ngày 01/6/2020 được R tiếp tục dẫn đi bằng thuyền gỗ, đi được hơn 10 ngày thì hỏng máy, trôi dạt vào vùng biển Đông Timor và đã bị bắt giữ, đến ngày 16/9/2020 được trả về Việt Nam. Bị cáo Vũ Thị V, Phan Văn M và Trương Thị T là những đồng phạm chịu trách nhiệm trong việc tổ chức cho 17 người lao động trốn đi nước Úc nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo Phạm Văn M1 là người đồng phạm chịu trách nhiệm đối với việc tổ chức cho 10 người lao động trốn đi Úc.

Với những hành vi nêu trên, Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Vũ Thị V, Trương Thị T, Phan Văn M về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn M1 về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: hành vi của các bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của Nhà nước, quyền tự do cư trú của công dân, đồng thời gây mất ổn định

xã hội tại địa phương. Các bị cáo Vũ Thị V, Trương Thị T, Phan Văn M, Phạm Văn M1 là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do cơ quan, tổ chức được Nhà nước cấp phép thực hiện mới hợp pháp, song vì mục đích hưởng lợi bất chính, các bị cáo đã tổ chức cho người khác đi nước ngoài trái quy định của Nhà nước.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phân hoá vai trò của từng bị cáo đồng thời áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để xử phạt Vũ Thị V 06 năm tù, các bị cáo Trương Thị T 05 năm 06 tháng, Phan Văn M 05 năm tù, theo điểm a khoản 3 Điều 349 BLHS, Phạm văn M1 03 năm theo điểm c khoản 2 Điều 349 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật và không nặng.

Tại phiên toà hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ nào mới cần được xem xét; do vậy đơn kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Các bị cáo Vũ Thị V, Trương Thị T, Phan Văn M, Phạm Văn M1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Thị V, Trương Thị T, Phạm Văn M1, Phan Văn M.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1. Tuyên bố các bị cáo: Vũ Thị V, Trương Thị T, Phạm Văn M1, Phan Văn M phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thị V 06 (sáu) năm tù, được

khẩu trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2020 đến ngày 03/02/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn M 05 (năm) năm tù, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2020 đến ngày 20/01/2021. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn M1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Vũ Thị V, Trương Thị T, Phan Văn M, Phạm Văn M1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT-C an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-C an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS - C an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSSA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành